ĐIỂM CHUẨN CÁC NGÀNH HỌC
NHẠC VIỆN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 2018

Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh tiền thân là trường Quốc gia Âm nhạc Sài Gòn ra đời năm 1956. Trường có hai ngành đào tạo: ngành Quốc nhạc và ngành nhạc Tây Phương gồm gần 20 chuyên ngành nhạc khí và lý thuyết âm nhạc. Năm 1960, Trường đổi tên thành Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn; năm 1975 là Trường Quốc gia Âm nhạc Thành phố Hồ Chí Minh và từ năm 1981 đến nay là Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh.

Có nhiệm vụ đào tạo đội ngũ biểu diễn; đội ngũ giảng dạy, lý luận, quản lý và nghiên cứu khoa học âm nhạc; tham gia mọi hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật âm nhạc; góp phần xây dựng và phát triển Văn hóa - Nghệ thuật tại Thành phố Hồ Chí Minh, khu vực phía Nam và cả nước.

Địa chỉ: Add: 112 Nguyễn Du, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (84 8) 38 225 841 - Fax: (84 8) 38 220 916

Điểm chuẩn Nhạc viện thành phố Hồ Chí Minh năm 2018:

BẤM XEM TẠI ĐÂY => **https://doctailieu.com/diem-chuan-cac-nganh-hoc-nhac-vien-thanh-pho-ho-chi-minh-2018**

Tham khảo điểm chuẩn của các năm trước:

Thông tin điểm chuẩn 2017:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7210201	Âm nhạc học (4 năm)		21	Chuyên môn 8, kiến thức 5
2	7210203	Sáng tác âm nhạc (4 năm)		21	Chuyên môn 8, kiến thức 5
3	7210204	Chỉ huy âm nhạc (4 năm): Chỉ huy Hợp xướng; Chỉ huy Dàn nhạc		21	Chuyên môn 8,

					kiến thức 5
4	7210205	Thanh nhạc (4 năm)		20	Chuyên môn 7.5, kiến thức 5
5	7210207	Biểu diễn nhạc cụ phương Tây (4 năm): Violon, Violon Alto, Violoncelle, Contrebasse; Harpe, Flûte, Tuba, Hautbois, Clarinette, Basson, Cor, Trompette, Trombone, Gõ giao hưởng, Accordéon, Guitare, Saxophone, Gõ nhạc nhẹ, Orgue điện tử, Piano nhạc nhẹ, Orgue điện tử, Piano nhạc nhẹ, Guitare nhạc nhẹ.		21	Chuyên môn 8, kiến thức 5
6	7210208	Piano (4 năm)		21	Chuyên môn 8, kiến thức 5
7	7210210	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (4 năm): Sáo trúc, Tranh, Bầu, Nguyệt, Tỳ bà, Ghi-ta phím lốm, Nhị, Tam Thập lục.		21	Chuyên môn 8, kiến thức 5
8	7210201	Âm nhạc học VB2 (2 năm)		21	Chuyên môn 8, kiến thức 5
9	7210203	Sáng tác âm nhạc VB2 (2 năm)		21	Chuyên môn 8, kiến thức 5
10	7210204	Chỉ huy âm nhạc VB2 (2 năm): Chỉ huy Hợp xướng; Chỉ huy Dàn nhạc		21	Chuyên môn 8, kiến thức 5

Các ngành và chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018:

Mã ngành	Tên ngành	STT CN	Chuyên ngành	Mã số chuyên ngành
52210201	Âm nhạc học (4 năm)			421
52210203	Sáng tác âm nhạc (4 năm)			422
52210204	Chỉ huy âm nhạc (4 năm)	1	Chỉ huy Hợp xướng	423

		2	Chỉ huy Dàn nhạc	424
52210205	Thanh nhạc (4 năm)			471
52210207	Biểu diễn nhạc cụ phương Tây (4 năm)	1	Violon	441
		2	Violon Alto	442
		3	Violoncelle	443
		4	Contrebasse	444
		5	Harpe	445
		6	Flûte	451
		7	Tuba	450
		8	Hautbois	452
		9	Clarinette	453
		10	Basson	454
		11	Cor	455
		12	Trompette	456
		13	Trombone	457
		14	Gõ Giao hưởng	458
		15	Accordéon	461
		16	Guitare	462
		17	Saxophone	4C1
		18	Gõ nhạc nhẹ	4C2
		19	Orgue điện tử	4C3
		20	Piano nhạc nhẹ	4C4
		21	Guitare nhạc nhẹ	4C5
52210208	Piano (4 năm)			431
52210210	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (4 năm)	1	Sáo trúc	411
		2	Tranh	413
		3	Bầu	414
		4	Nguyệt	415
		5	Tỳ bà	416
		6	Ghi-ta phím lõm	417
		7	Nhị	418
		8	Tam thập lục	419
52210201	Âm nhạc học VB2 (2 năm)			521
52210203	Sáng tác âm nhạc VB2 (2 năm)			522
52210204	Chỉ huy âm nhạc VB2 (2 năm)	1	Chỉ huy Hợp xướng	523
		2	Chỉ huy Dàn nhạc	524